TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST

Ngày: 27 - 11- 2017

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung

2. Bà Lâm Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thiện–Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST - KDTM ngày 04/7/2017 về tranh chấp "hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02/2017/QĐXX-KDTM ngày 05/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở: Số 108, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn T – Giám đốc Ngân hàng C chi nhánh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Văn T là: Ông Vũ Xuân G – Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh B.

Địa chỉ trụ sở: Số 234 đường Võ Công Tồn, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1978 và bà Tô Thị Kim B, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp C, xã Thạnh Phú, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

(Ông Vũ Xuân G có mặt; ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B vắng mặt không có

lý do đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C do ông Vũ Xuân G đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu khởi kiện:

- Ngày 15/9/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam- Chi nhánh B – Phòng giao dịch K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng số 16096497/2016-HĐTDHM-NHCT704 với ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B, theo hợp đồng này thì Ngân hàng cho ông B và bà B vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng từ 15/9/2016 đến 15/9/2017; lãi suất tại thời điểm vay là 10%/năm và điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ (thời gian điều chỉnh lãi suất 01/tháng/lần); lãi suất vay quá hạn bằng 50% của lãi suất trong hạn; mục đích vay là mua bán lúa gạo. Để bảo đảm cho khoản tín dụng đã vay, ông B và bà B ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản số: 14094544 ngày 29/9/2016 thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 06, 18, 16 cùng tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tổng diện tích là 28.027m^2, đất tọa lạc tại ấp V, xã T, huyện TH, tỉnh Long An. Do ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B không trả nợ lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm hợp tín dụng số 16096497/2016-HDTDHM/NHCT704 ngày 15/9/2016.

- Kể từ ngày 16/03/2017 cho đến hôm nay (ngày 27/11/2017) ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B không trả gốc và lãi cho Ngân hàng theo như hợp đồng mà hai bên đã ký kết, mặc dù đến nay khoản nợ đã quá hạn hơn 02 tháng và Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông B bà B phải trả nợ. Tính đến ngày 27/11/2017, ông B và bà B còn thiếu Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn 25.555.555đ (hai mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng); lãi quá hạn 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Tổng nợ là 540.555.555đ (năm trăm bốn mươi triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B bà B phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính từ 16/3/2017 đến ngày 27/11/2017 là 540.555.555đ (năm trăm bốn mươi triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/11/2017 cho đến ngày ông B và bà B thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng số 16096497/2016-HDTDHM/NHCT704 ngày 15/9/2016.

Bị đơn ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ông Trần Văn B thừa nhận vợ chồng ông có vay và nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K số tiền như Ngân hàng đã trình bày, nhưng do làm ăn thất bại nên ông B và bà B đã vi phạm hợp đồng, vợ chồng ông đã

không thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận kể từ ngày 16/03/2017, ông Bính hứa vợ chồng ông sẽ trả số tiền trên vào 24/10/2017 nhưng đến nay vẫn chưa trả.

- Bà Tô Thị Kim B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi của Ngân hàng.

* Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện, đơn xác nhận ông B và bà B có hộ khẩu thường trú nhưng không có mặt tại địa phương; toàn bộ hồ sơ vay của ông B và bà B trong đó có các chứng cứ quan trọng là hợp đồng tín dụng số 16096497/2016-HĐTDHM/NHCT704, giấy nhận nợ số 01 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14094544 (bản sao); Bản tường trình ngày 24/5/2017 và bản tự khai ngày 29/6/2017 của Ngân hàng.

* Chứng cứ do bị đơn ông Trần Văn B cung cấp: Bản tự khai ngày 24/8/2017; bà Tô Thị Kim B không cung cấp chứng cứ gì.

* Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2017.

- Tại Phiên tòa các đương sự không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ đã cung cấp khi nộp đơn khởi kiện.

<u>Các tình tiết của vụ án:</u>

Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam và ông Trần Văn B thống nhất là vợ chồng ông B và bà Tô Thị Kim B nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi chưa thanh toán kể từ ngày 16/3/2017.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do sau khi vay bà Tô Thị Kim B và ông Trần Văn B đã vi phạm hợp đồng tín dụng, trong việc thanh toán tiền lãi vay nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ trước thời hạn.

**Đối với bị đơn là vợ chồng bà Tô Thị Kim B và ông Trần Văn B:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bà B và ông B theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà B, ông B không hợp tác và không đến để giải quyết vụ án theo lịch triệu tập của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia hiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án như sau:

- Về hoạt động tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách đương sự tham gia tố tụng, thu thập tài liệu, chứng cứ, gửi hồ sơ Viện kiểm sát và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định về của pháp luật khi tham gia tố tụng, nên Kiểm sát viên không có đề nghị hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận thấy: Vợ chồng ông B và bà B mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, tuy nhiên, qua bản tự khai, ông Bính thừa nhận vào ngày 15/9/2016, ông B và bà B thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số: 16096497/2016-HĐTDHM/NHCT704 để vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), khi vay có thế chấp tài sản là các quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 06, 16, 18 tờ bản đồ số 02, tổng diện tích 28.027m^2, loại đất trồng lúa, đất tọa lạc tại ấp Vàm Lớn, xã T, huyện TH, tỉnh Long An để bảo đảm khoản nợ vay, nhưng ông B bà B vi phạm hợp đồng về điều khoản thanh toán lãi nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ thì ông B và bà B đồng ý trả. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh nên căn cứ theo các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

- Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân do chính ông B và bà B cùng ký vay nên cần buộc ông B và bà B có trách nhiệm cùng trả cho Ngân Hàng số tiền 540.555.555đ (năm trăm bốn mươi triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa.

[2] Về tố tụng: Ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B đã nhận thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B và bà B.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C đối với ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B:

- Về thời điểm giao dịch, do giao dịch được thực hiện vào ngày 15/9/2016 là trước ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực) nên căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015 để áp dụng luật nội dung để giải quyết là Bộ luật dân sự 2005 và các văn bản thi hành bộ luật này để giải quyết khi có tranh chấp.

- Ngân hàng yêu cầu ông B và bà B trả số tiền nợ gốc 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), tiền lãi chưa thanh toán bao gồm cả lãi trong hạn và quá hạn từ ngày

16/3/2017 đến ngày 27/11/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền là 40.555.555đ (bốn mươi triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng) và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 28/11/2017 cho đến khi ông B và bà B thanh toán xong số nợ này.

- Qua xem xét chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là hợp đồng tín dụng số 16096497/2016-HĐTDHM/NHCT704, giấy nhận nợ số 01 ngày 15/9/2016 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14094544, kết hợp với lời khai của ông B thừa nhận nợ cùng các chứng cứ khác xác định được ông B và bà B cùng ký hợp đồng vay của Ngân hàng số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) thời hạn vay 12 tháng từ 15/9/2016 đến 15/9/2017; lãi suất tại thời điểm vay là 10%/năm và điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ (thời gian điều chỉnh lãi suất 01/tháng/lần); lãi suất vay quá hạn bằng 50% của lãi suất trong hạn; vay để mua bán lúa gạo, để đảm bảo cho khoản tín dụng vay ông B và bà B thế chấp quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 06,16,18 tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 28.027m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã T, huyện TH, tỉnh Long An. Trong quá trình vay thời gian đầu ông B và bà B thanh toán lãi đầy đủ cho Ngân hàng, kể từ ngày 16/3/2017 trở đi thì ông B và bà B đã vi phạm hợp đồng không thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nên Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu trả nợ trước thời hạn, đến nay thì khoản nợ này đã quá hạn 02 tháng thì ông B và bà B cũng không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Trong quá trình Ngân hàng yêu cầu trả nợ thì ông B và bà B không trả mà cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ và bỏ đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi ở mới, không liên lạc với Ngân hàng.

- Về số tiền lãi Ngân hàng yêu cầu ông B và bà B trả số tiền lãi trong hạn là 25.555.555đ (hai mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng và lãi suất quá hạn là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) qua đối chiếu với Điều 2 của hợp đồng tín dụng và Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu là phù hợp.

- Bị đơn ông Trần Văn B thừa nhận số nợ, bà B không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc ông Bính bà Buôn vay và nợ số tiền như Ngân hàng trình bày là đúng và không cần phải chứng minh.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam đối với ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam.

- Do ông B và bà B cùng ký hợp đồng vay và là vợ chồng, nên căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để buộc ông B và bà B có trách nhiệm liên đới và nghĩa vụ chung về tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp ông B và bà B chậm trả thì còn phải trả thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng tín

dụng kể từ ngày 28/11/2017 cho đến khi ông B và bà B thanh toán xong số tiền nợ cho Ngân hàng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông B và bà B phải chịu, do Ngân hàng đã tạm ứng để chi nên ông B và bà B có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng.

- Về án phí: Ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam không phải chịu án phí.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 688 để căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B.

- Buộc ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền nợ gốc là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 25.555.555đ (hai mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), cộng cả gốc và lãi là 540.555.555đ (năm trăm bốn mươi triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng) phát sinh từ hợp đồng tín dụng.

- Trong trường hợp ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B chậm trả thì ông B và bà B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/11/2017 cho đến khi ông Bính và bà Buôn thanh toán xong số tiền nợ cho Ngân hàng.

- Đối với tài sản là quyền sử dụng đất của các thửa đất 06, 16, 18 tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 28.027m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã T, huyện TH, tỉnh Long An mà ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B đã thế chấp để bảo đảm cho khoản tín dụng vay thì tiếp tục thực hiện việc thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) buộc ông B và bà B hoàn trả lại cho Ngân Hàng.

Về án phí: Ông Trần Văn B và bà Tô Thị Kim B phải chịu 25.622.000đ (hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ngân hàng Thương mại cổ phần C không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 12.195.000đ (mười hai triệu một trăm chín

mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003621 ngày 30/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***<u>Nơi nhận</u>:**
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Thạnh Hóa;*
- *Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, AV.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Phan Đình Ngân